TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 06-6-2024.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Chí Hữu**.
+ Ông **Nguyễn Văn Vũ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Thùy T** - Sinh năm: 1983; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn H** - Sinh năm: 1978; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 31/12/2002 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi làm cho cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc; chị và anh H sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Chị T cho rằng hôn nhân đã không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ được để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có hai người con chung là: Huỳnh Nhật H1 - Sinh ngày 12/12/2002 và Huỳnh Nhựt L - Sinh ngày 16/4/2011. Huỳnh Nhật H1 đã thành niên, có khả năng lao động nên chị T không có yêu cầu gì liên quan đến người con này. Riêng Huỳnh Nhựt L hiện đang sống chung với chị nên khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi người con này, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày là không có.

Bị đơn là anh Huỳnh Văn H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị Trương Thị Thùy T giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu khởi kiện như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm; anh Huỳnh Văn H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều

56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thùy T được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

(2) Về con chung: Giao cho chị Trương Thị Thùy T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh H là: Huỳnh Nhựt L - Sinh ngày 16/4/2011 (hiện đang sống chung với chị T), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; riêng người con lớn là Huỳnh Nhật H1 - Sinh ngày 12/12/2002, đã thành niên, có khả năng lao động, chị T, anh H không có yêu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

(3) Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là anh H có địa chỉ tại: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải vào 19/02/2024, ngày 19/3/2024, đồng thời chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Chị T, anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 31/12/2002, việc kết hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của chị T, biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay mà

không đoàn tụ được, giữa anh chị không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống, anh H không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ, trong khi đó chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh H là: Huỳnh Nhựt L - Sinh ngày 16/4/2011, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến có liên quan đến việc nuôi con, trong khi đó cháu Nhựt L đang sống chung với chị T và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị T nên giao cho chị T tiếp tục nuôi cháu Nhựt L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Riêng người con lớn giữa chị T với anh H là Huỳnh Nhật H1 - Sinh ngày 12/12/2002, đã thành niên, có khả năng lao động, chị T, anh H không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; anh H vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thùy T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thùy T được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

2/ Về con chung:

Chị Trương Thị Thùy T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh Huỳnh Văn H là: Huỳnh Nhựt L - Sinh ngày 16/4/20211 (hiện đang sống chung với chị T) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Huỳnh Văn H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Vì lợi ích của con chung, chị T, anh H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Riêng người con lớn giữa chị T với anh H là Huỳnh Nhật H1 - Sinh ngày 12/12/2002, đã thành niên, có khả năng lao động, chị T, anh H không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Thùy T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003049 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng anh Huỳnh Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Thành An;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên